



shèng dì

圣地

noun · holy land, sacred place

Example Sentences

Yē lù sā lěng shì sān dà zōng jiào de shèng dì.
耶路撒冷是三大宗教的圣地。

Jerusalem is a holy land for three major religions.

Zhè zuò sì miào shì fó jiào tú de shèng dì.
这座寺庙是佛教徒的圣地。

This temple is a sacred place for Buddhists.

Trace each character, then write the word on your own.

圣	圣	圣	圣	圣	圣	圣	圣				
地	地	地	地	地	地	地	地	地			